

## TỜ TRÌNH

### Dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025; xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 6516/TTr-SNNMT ngày 09/6/2026, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024, cụ thể như sau:

#### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

##### 1. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;
- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025;
- Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;
- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;
- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;
- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

- Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12/12/2025 của Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024. Trong đó tại khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024 quy định thẩm quyền và trách nhiệm của UBND cấp tỉnh như sau: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách của địa phương về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và tổ chức thực hiện*”.

Trên cơ sở quy định nêu trên, Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) đã ban hành Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 06/9/2024 quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập) đã ban hành Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Tuy nhiên, hiện nay một số nội dung tại các nghị quyết nêu trên không còn phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai. Ngày 12/6/2025, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, trong đó khoản 3 Điều 1 quy định: “*Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Thái Nguyên*”.

Để bảo đảm tính thống nhất phù hợp thực tiễn của tỉnh Thái Nguyên (sau sáp nhập), việc UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên để thay thế Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 06/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) và Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập) là cần thiết và đúng quy định.

### **3. Dự báo tác động và hậu quả có thể xảy ra nếu không kịp thời ban hành văn bản quy phạm pháp luật để giải quyết**

Với đặc thù là tỉnh có số lượng người đồng bào dân tộc thiểu số tương đối đông, việc xây dựng Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nhằm cụ thể hóa quy định của Luật Đất đai năm 2024 là cần thiết, nhằm bảo đảm đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa, điều kiện thực tế của từng địa phương và giải quyết tình trạng thiếu đất sản xuất, đất ở cho cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Từ đó, từng bước hỗ trợ người dân phát triển kinh tế, góp phần xóa đói, giảm nghèo, ổn định đời sống, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Dự thảo Nghị quyết bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với pháp luật hiện hành và đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, bảo đảm đúng quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 16 Luật Đất đai năm 2024 và khoản 1 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

Việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời thống nhất áp dụng một chính sách chung trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, bảo đảm không làm gián đoạn việc thực hiện chính sách, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân.

## **II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN**

### **1. Mục đích**

Việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước tại địa phương theo quy định tại Khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024.

### **2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết**

Việc xây dựng Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên của Hội đồng nhân dân tỉnh phải bảo đảm yêu cầu về tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của Nghị quyết trong hệ thống pháp luật; tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng và ban hành Nghị quyết; phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, điều kiện thực tế của tỉnh và quy định của pháp luật.

### **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Ngày 06/5/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường có Tờ trình số 4616/TTr-STNMT đề nghị xây dựng Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 5356/UBND-CNN&XD ngày 15/5/2026 trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Ngày 18/5/2026, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có Văn bản số 275/HĐND-VP về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị quyết và tổ chức lấy ý kiến tham gia của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường đối với Dự thảo Nghị quyết tại Văn bản số 5980/SNNMT-QLĐĐ ngày 29/5/2026.

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Văn bản số 6329/SNNMT-QLĐĐ ngày 06/6/2026.

Căn cứ Báo cáo số 315/BC-STP ngày 07/6/2026 của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, giải trình, hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết.

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được thực hiện bảo đảm theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

#### **2. Bố cục**

Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên gồm 10 Điều.

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2: Nguyên tắc thực hiện

Điều 3: Hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng

Điều 4: Hỗ trợ đất ở

Điều 5: Hỗ trợ đất nông nghiệp

Điều 6: Hỗ trợ thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở

Điều 7: Nguồn kinh phí và quỹ đất thực hiện

Điều 8: Điều khoản chuyển tiếp

Điều 9: Tổ chức thực hiện

Điều 10: Điều khoản thi hành

### **3. Nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị quyết**

Quy định cụ thể một số chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc và miền núi sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

- Hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng
- Hỗ trợ đất ở
- Hỗ trợ đất nông nghiệp
- Hỗ trợ thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở

### **V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA**

1. Nguồn lực bảo đảm thực thi Nghị quyết sau khi được thông qua: Nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, trường hợp địa phương không tự cân đối được ngân sách thì Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua: Kỳ họp chuyên đề tháng 6 năm 2026.

*(Có dự thảo Nghị quyết và tài liệu liên quan kèm theo)*

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, CNN&XD.

MinhHồng/TTr/16.6.2026.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Loan**

Số: /NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng.

b) Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo quyết định của cơ quan có

thẩm quyền) không có đất ở, không có đất nông nghiệp hoặc thiếu đất ở, thiếu đất nông nghiệp so với hạn mức.

c) Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền) đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nhưng nay không còn đất ở, không còn đất nông nghiệp hoặc thiếu đất ở, thiếu đất nông nghiệp so với hạn mức.

d) Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền) được Nhà nước cho thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh.

đ) Các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; Ủy ban nhân dân cấp xã và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai.

## **Điều 2. Nguyên tắc thực hiện**

1. Việc xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo và danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Việc thực hiện chính sách đất đai đối với cộng đồng và cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo được căn cứ vào điều kiện quỹ đất hiện có của địa phương; đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đã được phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 hoặc chỉ tiêu sử dụng đất trong phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai của quy hoạch tỉnh được phân bổ đến đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp hoặc quy hoạch được lập theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn để thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Cá nhân thụ hưởng chính sách về đất đai phải có xác nhận thông tin nơi thường trú trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do cơ quan có thẩm quyền xác nhận tại đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất được giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Không áp dụng đối với cá nhân đã được thực hiện chính sách về đất đai từ các chương trình, chính sách trước đây nhưng đến nay đã chuyển quyền sử dụng đất.

4. Ưu tiên cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo là người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng.

5. Cá nhân thiếu đất ở là trường hợp đã có đất ở nhưng diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu sau tách thửa đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

6. Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, có sự tham gia, giám sát của người dân trong quá trình họp bình xét đối tượng và triển khai nội dung hỗ trợ, cá nhân được hỗ trợ phải sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng**

Đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng được Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí đất sinh hoạt cộng đồng gắn với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo diện tích tối thiểu là 300 m<sup>2</sup>.

### **Điều 4. Hỗ trợ đất ở**

1. Trường hợp hỗ trợ đất ở cho cá nhân không có đất ở thì được giao đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và được miễn tiền sử dụng đất.

2. Trường hợp cá nhân đã được giao đất ở theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng nay không còn đất ở hoặc thiếu đất ở so với hạn mức thì thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

### **Điều 5. Hỗ trợ đất nông nghiệp**

1. Trường hợp cá nhân không có đất nông nghiệp thì được hỗ trợ giao đất nông nghiệp trong hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh không thu tiền sử dụng đất.

2. Trường hợp cá nhân đã được Nhà nước giao đất theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng nay không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% diện tích đất so với hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

### **Điều 6. Hỗ trợ thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở**

1. Cá nhân được Nhà nước cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh và được miễn toàn bộ thời gian thuê đất đối với trường hợp sử dụng đất thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Cá nhân được Nhà nước cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh và được giảm 50% tiền thuê đất đối với trường hợp sử dụng đất không thuộc khoản 1 Điều này.

### **Điều 7. Nguồn kinh phí và quỹ đất thực hiện**

1. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách quy định tại nghị quyết này được thực hiện theo quy định khoản 3 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

2. Quỹ đất để thực hiện chính sách theo Nghị quyết này bao gồm quỹ đất nông nghiệp để sử dụng vào mục đích công ích; đất chưa sử dụng đang được địa phương quản lý; đất thu hồi; đất chưa giao, chưa cho thuê tại địa phương và các quỹ đất hợp pháp khác do các địa phương đang quản lý.

### **Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp**

Các trường hợp đang thực hiện chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết quy định chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp) và tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp).

### **Điều 9. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

### **Điều 10. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày      tháng      năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 06/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

b) Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn Quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

3. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XV, Kỳ họp thứ mười ba (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày      tháng      năm 2026.*

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Văn Lương**

- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên;  
Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

**Báo cáo nội dung xây dựng**  
**Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 23/4/2026 về việc tập trung cao điểm xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập). Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Văn bản số 4616/TTr-STNMT ngày 06/5/2026 báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Ngày 15/5/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh có Văn bản số 5356/UBND-CNN&XD của UBND tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Ngày 18/5/2026, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có Văn bản số 275/HĐND-VP về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Ngày 26/5/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh có Văn bản số 5905/UBND-CNNXD về việc tham mưu xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị quyết và đã lấy ý kiến tham gia vào Dự thảo Nghị quyết của các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tại Văn bản số 5980/SNNMT-QLĐĐ ngày 29/5/2026.

Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các đơn vị, địa phương, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết và gửi xin ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 6329/SNNMT-QLĐĐ ngày 06/6/2026.

Căn cứ Báo cáo số 315/BC-STP ngày 07/6/2026 của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã báo cáo tiếp thu, giải trình tại Văn bản số 485/SNNMT-QLĐĐ ngày 09/6/2026 và hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết trình UBND tỉnh tại Tờ trình số 6516/SNNMT-QLĐĐ ngày 09/6/2026.

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được thực hiện đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn Luật.

**BỘ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Bố cục: gồm 10 Điều.

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2: Nguyên tắc thực hiện

Điều 3: Hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng

Điều 4: Hỗ trợ đất ở

Điều 5: Hỗ trợ đất nông nghiệp

Điều 6: Hỗ trợ thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở

Điều 7: Nguồn kinh phí và quỹ đất thực hiện chính sách

Điều 8: Điều khoản chuyển tiếp

Điều 9: Tổ chức thực hiện

Điều 10: Điều khoản thi hành.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5905 /UBND-CNNXD

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 5 năm 2026

V/v tham mưu xây dựng Nghị quyết  
của HĐND tỉnh ban hành chính sách  
hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào  
dân tộc thiểu số sinh sống trên địa  
bàn tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Tư pháp;
- Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- Sở Tài chính.

Thực hiện Văn bản số 275/HĐND-VP ngày 18/5/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo trình tự, thủ tục rút gọn (có Văn bản gửi kèm theo). Về nội dung này Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Dân tộc và Tôn giáo và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan khẩn trương xây dựng, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo trình tự, thủ tục rút gọn; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định, đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục nội dung và quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ, chất lượng, tính đầy đủ, chính xác của nội dung tham mưu; căn cứ pháp lý, cơ sở thực tiễn và tính khả thi của chính sách đề xuất.

2. Giao Sở Tài chính, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Tư pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình xây dựng hồ sơ, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; tập trung rà soát, tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc ngành, lĩnh vực quản lý, nhất là đối tượng, phạm vi, điều kiện hỗ trợ, nguồn lực thực hiện, trình tự, thủ tục ban hành văn bản và các nội dung có liên quan; bảo đảm dự thảo Nghị quyết được xây dựng đầy đủ, chặt chẽ, khả thi, phù hợp với thực tiễn địa phương và đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương phối hợp thực hiện./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD.

Kiennt. T5/2026.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Loan**

Số: 315 /BC-STP

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 6 năm 2026

**BÁO CÁO**  
**Thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện chức năng theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định như sau:

- Tên dự thảo văn bản: **Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.**

- Cơ quan ban hành văn bản: HĐND tỉnh Thái Nguyên.

- Cơ quan trình văn bản: UBND tỉnh Thái Nguyên.

- Cơ quan chủ trì soạn thảo: Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Cơ quan phối hợp soạn thảo: không.

- Tiếp nhận hồ sơ thẩm định: ngày 06/6/2026, kèm theo Công văn số 6329/SNNMT- QLDD ngày 05/6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Tình trạng hồ sơ đề nghị thẩm định: đảm bảo đầy đủ theo quy định.

**Phần thứ nhất**

**NỘI DUNG THẨM ĐỊNH**

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

**1. Sự cần thiết ban hành văn bản**

Thực hiện quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15<sup>1</sup>, HĐND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) đã ban hành Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 06/9/2024 ban hành chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; HĐND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập) đã ban hành Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 ban hành chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Các nghị quyết được ban hành là cơ sở pháp lý quan trọng để hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số, cá nhân

<sup>1</sup> Khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 quy định: “6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách của địa phương về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và tổ chức thực hiện”.

là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo đúng quy định và điều kiện thực tế của địa phương trên địa bàn 02 tỉnh trước sáp nhập.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, trong đó khoản 3 Điều 1 quy định: “*Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Thái Nguyên*”.

Tại điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản QPPL số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 20 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15) quy định các văn bản của các đơn vị hành chính trước khi sáp nhập vẫn tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi từng địa bàn cho đến khi cơ quan có thẩm quyền của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản để quyết định việc tiếp tục áp dụng, bãi bỏ hoặc ban hành quy định mới.

Để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên sau sáp nhập, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là cần thiết và phù hợp.

## **2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

Phù hợp.

## **II. SỰ PHÙ HỢP VỚI CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG**

Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới, đã nêu: “*Tập trung giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt; đẩy nhanh việc hoàn thành các dự án định canh, định cư. Mục tiêu giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất sản xuất, đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số vào năm 2025*”.

Ngày 16/6/2022 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW cũng đặt ra mục tiêu đến năm 2025 giải quyết cơ bản những tồn tại, vướng mắc có liên quan đến đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số, đặt ra nhiệm vụ giải pháp về hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính về đất đai, trong đó có chính sách ưu đãi thuế, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phù hợp với lĩnh vực, địa bàn ưu đãi đầu tư; đối với hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, gia đình người có công với cách mạng:.....

Tiếp đó, để thể chế hóa Nghị quyết số 18-NQ/TW, Luật Đất đai năm 2024 được Quốc hội thông qua đã dành riêng 1 điều (Điều 16) quy định trách nhiệm của Nhà nước về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Theo đó, tại khoản 6 Điều 16 Luật đất đai năm 2024 quy định: “*6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách của địa phương về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và tổ chức thực hiện*”.

Do đó, việc tham mưu ban hành Nghị quyết đảm bảo phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng.

### III. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

#### 1. Thẩm quyền ban hành

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15: “6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách của địa phương về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và tổ chức thực hiện”;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là đúng thẩm quyền.

#### 3. Căn cứ ban hành

- Để đảm bảo phù hợp, thống nhất, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh:
  - + Chỉnh sửa “Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15;” thành “Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;”
  - + Chỉnh sửa “Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 291/2025/NĐ-CP của Chính Phủ);” thành “Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP”.

Phần cuối căn cứ ban hành dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh thành: “Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.”

#### 4. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật hiện hành

Cơ quan thẩm định đánh giá nội dung dự thảo được xây dựng trên cơ sở Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP; Nghị định số 103/2024/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan, đồng thời có kế thừa những chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số do HĐND tỉnh Thái Nguyên và HĐND tỉnh Bắc Kạn ban hành đã được phát huy hiệu quả trong thực tiễn áp dụng. Dự thảo cũng đã được lấy ý kiến rộng rãi các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, các ý kiến tham gia đã được cơ quan soạn thảo tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo. Về cơ bản, cơ quan thẩm định cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo; để dự thảo hoàn thiện hơn, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu nội dung sau:

- Tại khoản 1 Điều 7 dự thảo: Để đảm bảo phù hợp, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung đầy đủ nội dung: “...khoản 3 Điều 8 Nghị định số 102/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ...” thành “...khoản 3 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ...”.

- Tại khoản 3 Điều 9 dự thảo: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, điều chỉnh theo hướng: “*Trường hợp văn bản viên dân tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.*”.

- Đề nghị nghiên cứu bổ sung điều khoản chuyển tiếp để thuận lợi trong quá trình thực hiện chính sách.

### **5. Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính**

Dự thảo không quy định thủ tục hành chính.

### **6. Nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

Kinh phí đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết sau khi được thông qua: Nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Dự thảo Nghị quyết không quy định nội dung phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; không có nội dung liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

### **7. Về hiệu lực thi hành**

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu tham mưu ngày có hiệu lực đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: “1. *Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành...*”. Đồng thời phải đáp ứng được yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP: “2. *Văn bản phải xác định cụ thể ngày, tháng, năm có hiệu lực thi hành*”.

### **8. Nơi nhận văn bản**

Đề nghị rà soát đảm bảo phù hợp với quy định tại Phần II, Mục 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025<sup>2</sup>.

## **IV. NGÔN NGỮ, THỂ THỨC, KỸ THUẬT TRÌNH BÀY VĂN BẢN**

Đề nghị rà soát đảm bảo phù hợp theo mẫu số 17 phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, như: Lược bỏ cụm từ “**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ ..... (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**” dưới tên dự thảo Nghị quyết; lược bỏ từ “về việc” tại tên 02 nghị quyết do HĐND tỉnh Thái Nguyên và HĐND tỉnh Bắc Kạn ban hành, đồng thời chỉnh sửa tên 02 nghị quyết này cho chính xác (tại điểm a, b khoản 2 Điều 9). lược bỏ các từ trùng lặp “....*danh mục địa địa bàn...*” (khoản 1 Điều 2),....

<sup>2</sup> b) Tùy theo nội dung của văn bản, nơi nhận văn bản có thể gồm:

- Cơ quan giám sát, kiểm tra việc triển khai thi hành văn bản;
- Cơ quan công báo;
- Cơ quan trực tiếp chịu trách nhiệm triển khai thi hành văn bản;
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan;
- Đơn vị lưu văn bản và đơn vị soạn thảo văn bản.

**Phần thứ hai**  
**KẾT LUẬN THẨM ĐỊNH**

**1. Về thực hiện các trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật**

- Về đăng ký xây dựng văn bản: chủ trương ban hành Nghị quyết được Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 275/HĐND-VP ngày 18/5/2026 trong đó đồng ý xây dựng dự thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn.

- Việc lấy ý kiến và tổng hợp ý kiến của đối tượng chịu sự tác động của văn bản: đã thực hiện theo quy định.

**2. Về điều kiện trình dự thảo**

- Đề nghị cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo:

+ Nghiên cứu, phân tích, tiếp thu ý kiến thẩm định để tham mưu cho phù hợp với các quy định hiện hành và điều kiện cụ thể của địa phương.

+ Xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh theo quy định.

+ Gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 46 Nghị định 78/2025/NĐ-CP.

- Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh phối hợp rà soát, nghiên cứu các nội dung thẩm định, giải trình khi cơ quan soạn thảo trình, đảm bảo tính thống nhất, phù hợp của nội dung văn bản.

- Dự thảo đã thực hiện đảm bảo các quy trình; các nội dung thẩm định phải được tiếp thu, giải trình theo quy định. Sau khi có báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định, dự thảo đủ điều kiện trình UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh quyết định theo thẩm quyền.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Sở Tư pháp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở NN&MT (tham mưu);
- Giám đốc Sở;
- PGĐ Sở (đ/c Sơn);
- Lưu: VT, XDVB.

Nhoitt.xdvb

*Phuit*  
**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Hữu Sơn*  
**Nguyễn Hữu Sơn**

Số: 6516/TTr-SNNMT

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 6 năm 2026

## TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

- Cơ sở pháp lý
  - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;
  - Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024;
  - Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025;
  - Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;
  - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;
  - Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP của Chính Phủ;
  - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;
  - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
  - Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Nghị định số 187/2025/QĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

- Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12/12/2025 của Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

## 2. Cơ sở thực tiễn

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024. Trong đó tại khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024 quy định thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh như sau: *“Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách của địa phương về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và tổ chức thực hiện.”*. Theo đó, chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã được HĐND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) ban hành Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 06/9/2024; chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đã được HĐND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập) ban hành Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024.

Tuy nhiên, hiện nay một số nội dung tại các nghị quyết này không còn phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai. Ngày 12/6/2025, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, trong đó khoản 3 Điều 1 quy định: *“Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái nguyên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Thái nguyên”*.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh về việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên để thay thế Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 06/9/2024 của HĐND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) và Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập) là cần thiết và đúng quy định.

3. Dự báo tác động và hậu quả có thể xảy ra nếu không kịp thời ban hành văn bản quy phạm pháp luật để giải quyết

Với đặc thù là tỉnh số lượng người đồng bào dân tộc thiểu số tương đối đông, do vậy việc xây dựng Nghị quyết chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên để cụ thể hóa quy định của Luật Đất đai năm 2024 là cần thiết, nhằm bảo đảm đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa, điều kiện thực tế của từng địa phương và giải quyết tình trạng thiếu đất sản xuất, đất ở cho cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Từ đó, từng bước hỗ trợ người dân phát triển kinh tế, góp phần xóa đói, giảm nghèo, ổn định tình hình, phát triển kinh tế, chính trị tại địa phương.

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với pháp luật hiện hành và đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo đúng quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 16 Luật Đất đai năm 2024 và khoản 1 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

Việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời, tháo gỡ khó khăn vướng mắc, quy định một chính sách chung sau hợp nhất tỉnh, nhằm không để xảy ra ách tắc làm ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân.

## **II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN**

1. Mục đích ban hành văn bản: Việc ban hành quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước tại địa phương theo quy định tại Khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản: Việc xây dựng Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên của Hội đồng nhân dân tỉnh phải đảm bảo yêu cầu về tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của Nghị quyết trong hệ thống pháp luật; tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đảm bảo công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng và ban hành Nghị quyết; phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, điều kiện thực tế của tỉnh và quy định của pháp luật.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 23/4/2026 về việc tập trung cao điểm xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập). Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Văn bản số 4616/TTr-STNMT ngày 06/5/2026 báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân

dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Ngày 15/5/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh có Văn bản số 5356/UBND-CNN&XD của UBND tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Ngày 18/5/2026, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có Văn bản số 275/HĐND-VP về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Ngày 26/5/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh có Văn bản số 5905/UBND-CNNXD về việc tham mưu xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về ban hành chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị quyết và đã lấy ý kiến tham gia vào Dự thảo Nghị quyết của các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tại Văn bản số 5980/SNNMT-QLĐĐ ngày 29/5/2026.

Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các đơn vị, địa phương, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và gửi xin ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 6329/SNNMT-QLĐĐ ngày 06/6/2026.

Căn cứ Báo cáo số 315/BC-STP ngày 07/6/2026 của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và xây dựng dự thảo của Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh.

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được thực hiện đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn.

#### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Bố cục: Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, gồm 10 Điều.

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2: Nguyên tắc thực hiện

Điều 3: Hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng

Điều 4: Hỗ trợ đất ở

Điều 5: Hỗ trợ đất nông nghiệp

Điều 6: Hỗ trợ thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở

Điều 7: Nguồn kinh phí và quỹ đất thực hiện chính sách

Điều 8: Điều khoản chuyển tiếp

Điều 9: Tổ chức thực hiện

Điều 10: Điều khoản thi hành.

### 3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Quy định cụ thể một số chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc và miền núi sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

- Hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng.
- Hỗ trợ đất ở.
- Hỗ trợ đất nông nghiệp.
- Hỗ trợ thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở.

*(Có dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, dự thảo Nghị quyết, Báo cáo thẩm định VBQPPL của Sở Tư pháp, Báo cáo tổng hợp giải trình tiếp thu ý kiến và tài liệu thuyết minh kèm theo)*

Trên đây là Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường về Dự thảo Quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân. Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Nội dung tham mưu đầy đủ cơ sở pháp lý theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền và đủ điều kiện để ban hành theo quy định của pháp luật và quy chế làm việc. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về nội dung tham mưu.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Lưu: VT, VPS, QLLĐĐ.



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Kiều Quang Khánh**



Số: /TTr-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách về đất đai đối với  
đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025; xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 6516/TTr-SNNMT ngày 09/6/2026, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024, cụ thể như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

**1. Cơ sở pháp lý**

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;
- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025;
- Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;
- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;
- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;
- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

- Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12/12/2025 của Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

## 2. Cơ sở thực tiễn

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024. Trong đó tại khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024 quy định thẩm quyền và trách nhiệm của UBND cấp tỉnh như sau: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách của địa phương về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và tổ chức thực hiện*”.

Thực hiện quy định nêu trên, Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên (*trước sáp nhập*) đã ban hành Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 06/9/2024 quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn (*trước sáp nhập*) đã ban hành Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Tuy nhiên, hiện nay một số nội dung tại các nghị quyết nêu trên không còn phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai. Ngày 12/6/2025, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, trong đó khoản 3 Điều 1 quy định: “*Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Thái Nguyên*”.

Để bảo đảm tính thống nhất phù hợp thực tiễn của tỉnh Thái Nguyên (sau sáp nhập), việc UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên để thay thế Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 06/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên (*trước sáp nhập*) và Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn (*trước sáp nhập*) là cần thiết và đúng quy định.

Vì vậy, trên cơ sở kế thừa quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (*trước sáp nhập*) tại Nghị quyết số

10/2024/NQ-HĐND ngày 06/9/2024 và tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập) tại Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024, UBND tỉnh đã xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

### **3. Dự báo tác động và hậu quả có thể xảy ra nếu không kịp thời ban hành văn bản quy phạm pháp luật để giải quyết**

Với đặc thù là tỉnh có số lượng người đồng bào dân tộc thiểu số tương đối đông, việc xây dựng Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nhằm cụ thể hóa quy định của Luật Đất đai năm 2024 là cần thiết, nhằm bảo đảm đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa, điều kiện thực tế của từng địa phương và giải quyết tình trạng thiếu đất sản xuất, đất ở cho cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Từ đó, từng bước hỗ trợ người dân phát triển kinh tế, góp phần xóa đói, giảm nghèo, ổn định đời sống, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Dự thảo Nghị quyết bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với pháp luật hiện hành và đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, bảo đảm đúng quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 16 Luật Đất đai năm 2024 và khoản 1 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

Việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời thống nhất áp dụng một chính sách chung trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, bảo đảm không làm gián đoạn việc thực hiện chính sách, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân.

## **II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN**

### **1. Mục đích**

Việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước tại địa phương theo quy định tại Khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024.

### **2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết**

Việc xây dựng Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên của Hội đồng nhân dân tỉnh phải bảo đảm yêu cầu về tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của Nghị quyết trong hệ thống pháp luật; tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng và ban

hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng và ban hành Nghị quyết; phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, điều kiện thực tế của tỉnh và quy định của pháp luật.

### **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Ngày 06/5/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường có Tờ trình số 4616/TTr-STNMT đề nghị xây dựng Nghị quyết ban hành chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo trình tự, thủ tục rút gọn.

UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 5356/UBND-CNN&XD ngày 15/5/2026 trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Ngày 18/5/2026, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có Văn bản số 275/HĐND-VP về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị quyết và đã lấy ý kiến tham gia vào Dự thảo Nghị quyết của các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tại Văn bản số 5980/SNNMT-QLĐĐ ngày 29/5/2026.

Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các đơn vị, địa phương, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, chỉnh sửa Dự thảo Nghị quyết và gửi xin ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 6329/SNNMT-QLĐĐ ngày 06/6/2026.

Căn cứ Báo cáo số 315/BC-STP ngày 07/6/2026 của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, giải trình, hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết.

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được thực hiện đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn Luật.

### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Bố cục: Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên gồm 10 Điều.

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2: Nguyên tắc thực hiện

Điều 3: Hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng

Điều 4: Hỗ trợ đất ở

Điều 5: Hỗ trợ đất nông nghiệp

Điều 6: Hỗ trợ thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở

Điều 7: Nguồn kinh phí và quỹ đất thực hiện

Điều 8: Điều khoản chuyển tiếp

Điều 9: Tổ chức thực hiện

Điều 10: Điều khoản thi hành.

3. Nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị quyết

- Hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng.
- Hỗ trợ đất ở.
- Hỗ trợ đất nông nghiệp.
- Hỗ trợ thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở.

*(Có dự thảo Nghị quyết và tài liệu liên quan kèm theo)*

## **V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA**

1. Nguồn lực bảo đảm thực thi Nghị quyết sau khi được thông qua: Nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, trường hợp địa phương không tự cân đối được ngân sách thì Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua: Kỳ họp chuyên đề tháng 6 năm 2026.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, CNN&XD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày

tháng

năm 2026

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;  
Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15;  
Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;  
Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng.  
b) Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền) không có đất ở, không có đất nông nghiệp hoặc thiếu đất ở, thiếu đất nông nghiệp so với hạn mức.

c) Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền) đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nhưng nay không còn đất ở, không còn đất nông nghiệp hoặc thiếu đất ở, thiếu đất nông nghiệp so với hạn mức.

d) Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo quyết định của cơ quan có

thẩm quyền) được Nhà nước cho thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh.

đ) Các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; Ủy ban nhân dân cấp xã và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai.

### **Điều 2. Nguyên tắc thực hiện**

1. Việc xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo và danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Việc thực hiện chính sách đất đai đối với cộng đồng và cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo được căn cứ vào điều kiện quỹ đất hiện có của địa phương; đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đã được phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 hoặc chỉ tiêu sử dụng đất trong phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai của quy hoạch tỉnh được phân bổ đến đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp hoặc quy hoạch được lập theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn để thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Cá nhân thụ hưởng chính sách về đất đai phải có xác nhận thông tin nơi thường trú trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do cơ quan có thẩm quyền xác nhận tại đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất được giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Không áp dụng đối với cá nhân đã được thực hiện chính sách về đất đai từ các chương trình, chính sách trước đây nhưng đến nay đã chuyển quyền sử dụng đất.

4. Ưu tiên cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo là người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng.

5. Cá nhân thiếu đất ở là trường hợp đã có đất ở nhưng diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu sau tách thửa đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

6. Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, có sự tham gia, giám sát của người dân trong quá trình hợp bình xét đối tượng và triển khai nội dung hỗ trợ, cá nhân được hỗ trợ phải sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng**

Đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng được Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí đất sinh hoạt cộng đồng gắn với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo diện tích tối thiểu là 300 m<sup>2</sup>.

### **Điều 4. Hỗ trợ đất ở**

1. Trường hợp hỗ trợ đất ở cho cá nhân không có đất ở thì được giao đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và được miễn tiền sử dụng đất.

2. Trường hợp cá nhân đã được giao đất ở theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng nay không còn đất ở hoặc thiếu đất ở so với hạn mức thì thực hiện

theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

#### **Điều 5. Hỗ trợ đất nông nghiệp**

1. Trường hợp cá nhân không có đất nông nghiệp thì được hỗ trợ giao đất nông nghiệp trong hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh không thu tiền sử dụng đất.

2. Trường hợp cá nhân đã được Nhà nước giao đất theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng nay không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% diện tích đất so với hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

#### **Điều 6. Hỗ trợ thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở**

1. Cá nhân được Nhà nước cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh và được miễn toàn bộ thời gian thuê đất đối với trường hợp sử dụng đất thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Cá nhân được Nhà nước cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh và được giảm 50% tiền thuê đất đối với trường hợp sử dụng đất không thuộc khoản 1 Điều này.

#### **Điều 7. Nguồn kinh phí và quỹ đất thực hiện**

1. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách quy định tại nghị quyết này được thực hiện theo quy định khoản 3 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

2. Quỹ đất để thực hiện chính sách theo Nghị quyết này bao gồm quỹ đất nông nghiệp để sử dụng vào mục đích công ích; đất chưa sử dụng đang được địa phương quản lý; đất thu hồi; đất chưa giao, chưa cho thuê tại địa phương và các quỹ đất hợp pháp khác do các địa phương đang quản lý.

#### **Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp**

Các trường hợp đang thực hiện chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết quy định chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp) và tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp).

#### **Điều 9. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

#### **Điều 10. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày      tháng      năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 06/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

b) Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn Quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

3. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XV, Kỳ họp thứ mười ba (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày tháng năm 2026.*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên; Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Văn Lương**

Số: 485 /BC-SNNMT

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 6 năm 2026

### BÁO CÁO

**Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp.

Sở Nông nghiệp và Môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên tại Văn bản số 5905/UBND-CNNXD ngày 26/5/2026.

Ngày 06/6/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Văn bản số 6329/SNNMT-QLĐĐ gửi Sở Tư pháp đề xin ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ngày 07/6/2026, Sở Tư pháp có Báo cáo số 315/BC-STP báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 315/BC-STP ngày 07/6/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường xin tiếp thu, giải trình, làm rõ một số nội dung như sau:

*(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)*

Trên đây là báo cáo tiếp thu, giải trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo nội dung báo cáo thẩm định văn bản quy phạm pháp luật của Sở Tư pháp.

Sở Nông nghiệp và Môi trường xin báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tư pháp theo quy định. /.

**Nơi nhận:**

- Như trên (b/cáo);
- Giám đốc và các Phó GD Sở;
- Lưu: VT, VPS, KHTC, QLĐĐ.



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Kiều Quang Khánh**



(Kèm theo Văn bản số 485/BC-SNN/MT ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)



| Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp   | Ý kiến tiếp thu, giải trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường |
|---|--|
| <p><b>1. Căn cứ ban hành:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chính sửa "Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15;" thành "Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;"</li><li>- Chính sửa "Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 291/2025/NĐ-CP của Chính Phủ);" thành "Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP"</li></ul> <p>Phần cuối căn cứ ban hành dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh thành: "Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên."</p> | <p>Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu và chỉnh sửa</p> |
| <p><b>2. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật hiện hành</b></p>  | <p>Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu và chỉnh sửa</p> |
| <p>a) Tại khoản 1 Điều 7 dự thảo: Đề đảm bảo phù hợp, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung đầy đủ nội dung: "...khoản 3 Điều 8 Nghị định số 102/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ..." thành "...khoản 3 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ..."</p>   | <p>Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu và chỉnh sửa</p> |
| <p>b) Tại khoản 3 Điều 9 dự thảo: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, điều chỉnh theo hướng: "Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế."</p>   | <p>Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu và chỉnh sửa</p> |
| <p>c) Đề nghị nghiên cứu bổ sung điều khoản chuyển tiếp để thuận lợi trong quá trình thực hiện chính sách.</p>  | <p>Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu và chỉnh sửa</p> |

| Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp   | Ý kiến tiếp thu, giải trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường                               |
|---|--|
|   | thu và bổ sung thêm nội dung điều khoản chuyên tiếp quy định tại Điều 8 dự thảo Nghị quyết |
| <p><b>3. Về hiệu lực thi hành</b></p> <p>Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu tham mưu ngày có hiệu lực đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: “1. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành...”. Đồng thời phải đáp ứng được yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP: “2. Văn bản phải xác định cụ thể ngày, tháng, năm có hiệu lực thi hành”.</p>                        | Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu và chỉnh sửa                                      |
| <p><b>4. Nơi nhận văn bản</b></p> <p>Đề nghị rà soát đảm bảo phù hợp với quy định tại Phần II, Mục 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/20252</p>  | Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu và chỉnh sửa                                      |
| <p><b>5. NGÓN NGŨ, THỂ THỨC, KỸ THUẬT TRÌNH BÀY VĂN BẢN</b></p> <p>Đề nghị rà soát đảm bảo phù hợp theo mẫu số 17 phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, như: Lược bỏ cụm từ “<b>HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XV, KỶ HỌP THỨ</b> ..... (KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ)” dưới tên dự thảo Nghị quyết; lược bỏ từ “về việc” tại tên 02 nghị quyết do HĐND tỉnh Thái Nguyên và HĐND tỉnh Bắc Kạn ban hành, đồng thời chỉnh sửa tên 02 nghị quyết này cho chính xác (tại điểm a, b khoản 2 Điều 9). lược bỏ các từ trùng lặp “.....<i>danh mục địa bàn</i>...” (khoản 1 Điều 2),.....</p> | Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu và chỉnh sửa                                      |

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 6 năm 2026

**BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO**

**Quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

*Quy định được đề xuất xây dựng trên cơ sở kế thừa Nghị quyết 10/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định chi tiết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn*

## 1. Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế

|        |  |   |   |  |
|--------|--|---|---|--|
| T<br>T | <p align="center"><b>Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành</b></p> <p><b>Nghị quyết 10/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên</b></p> <p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng</b><br/> <b>1. Phạm vi điều chỉnh:</b> Nghị quyết này quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.<br/> <b>2. Đối tượng áp dụng</b><br/> a) Đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng.<br/> b) Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền) không có đất ở, không có đất nông nghiệp hoặc thiếu đất ở, thiếu đất nông nghiệp so với hạn mức.<br/> c) Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền) đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nhưng nay không còn đất ở, không còn đất nông nghiệp hoặc thiếu đất ở, thiếu đất nông nghiệp so với hạn mức.<br/> d) Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền) được Nhà nước cho thuê đất phi nông nghiệp không</p> | <p><b>Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định chi tiết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn</b></p> <p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b><br/> Nghị quyết này quy định chính sách về đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số và chính sách đất đai cho cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi sinh sống trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.<br/> <b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b><br/> 1. Cộng đồng dân cư đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng.<br/> 2. Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi không có đất ở, đất nông nghiệp hoặc thiếu đất ở, đất nông nghiệp so với hạn mức hoặc được Nhà nước cho thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh.<br/> 3. Các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, dân tộc; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan.</p> | <p><b>Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế</b></p> <p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng</b><br/> <b>1. Phạm vi điều chỉnh:</b> Nghị quyết này quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.<br/> <b>2. Đối tượng áp dụng</b><br/> a) Đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng.<br/> b) Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền) không có đất ở, không có đất nông nghiệp hoặc thiếu đất ở, thiếu đất nông nghiệp so với hạn mức.<br/> c) Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền) đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nhưng nay không còn đất ở, không còn đất nông nghiệp hoặc thiếu đất ở, thiếu đất nông nghiệp so với hạn mức.<br/> d) Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại</p> | <p align="center"><b>Thuyết minh</b></p> <p>1. Trên cơ sở kế thừa nội dung quy định của tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp) lý do: quy định chi tiết các đối tượng được áp dụng chính sách phù hợp với quy định tại Điều 16 Luật Đất đai năm 2024 và đảm bảo phù hợp với tinh thần Nghị quyết (sau sắp xếp)</p> <p>2. Bộ cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp huyện", lý do: thực hiện Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025.</p> |
|--------|--|---|---|--|

|                 |   |  |   |                           |
|-----------------|---|--|---|---------------------------|
| <p><b>T</b></p> | <p><b>Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành</b></p>                          | <p><b>Nghị quyết 10/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên</b></p>   | <p>Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định chi tiết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn</p>  | <p><b>Thuyết minh</b></p> |
| <p><b>T</b></p> | <p><b>Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế</b></p> | <p>phải đất ở để sản xuất, kinh doanh.<br/>đ) Các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai.</p> | <p>vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền) được Nhà nước cho thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh.<br/>đ) Các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; Ủy ban nhân dân cấp xã và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai.</p> |                           |

|        |  |  |   |  |
|--------|--|--|---|--|
| T<br>T | <p><b>Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành</b></p> <p>Nghị quyết 10/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên</p> <p><b>Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ</b></p> <p>1. Cá nhân được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải sinh sống và thường trú tại địa phương nơi có đất được giao, được chuyển mục đích sử dụng đất, được thuê đất.</p> <p>2. Việc xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>3. Việc bố trí quỹ đất sinh hoạt cộng đồng và giao đất, cho thuê đất được căn cứ vào điều kiện quỹ đất hiện có của địa phương và quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.</p> <p>4. Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng; cá nhân được hỗ trợ phải sử dụng đất theo quy định pháp luật.</p> | <p><b>Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành</b></p> <p>Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định chi tiết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn</p> <p><b>Điều 3. Nguyên tắc thực hiện</b></p> <p>1. Việc xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>2. Việc thực hiện chính sách đất đai đối với cộng đồng và cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo được căn cứ vào điều kiện quỹ đất hiện có của địa phương; đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch khác có liên quan đã được phê duyệt.</p> <p>3. Cá nhân thụ hưởng chính sách về đất đai phải có xác nhận thông tin nơi thường trú trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do cơ quan có thẩm quyền xác nhận tại đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất được giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Không áp dụng đối với cá nhân đã được thực hiện chính sách về đất đai từ các chương trình, chính sách trước đây nhưng đến nay đã chuyển quyền sử dụng đất.</p> <p>4. Ưu tiên cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, cận</p> | <p><b>Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế</b></p> <p><b>Điều 3. Nguyên tắc thực hiện</b></p> <p>1. Việc xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>2. Việc thực hiện chính sách đất đai đối với cộng đồng và cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo được căn cứ vào điều kiện quỹ đất hiện có của địa phương; đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 hoặc chi tiêu sử dụng đất trong phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai của quy hoạch chính cấp xã sau sắp xếp hoặc quy hoạch được lập theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn để thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>3. Cá nhân thụ hưởng chính sách về đất đai phải có xác nhận thông tin nơi thường trú trong Cơ sở dữ liệu quốc</p> | <p><b>Thuyết minh</b></p> <p>1. Trên cơ sở kế thừa nội dung quy định của tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp), lý do: quy định chi tiết nguyên tắc thực hiện đảm bảo phù hợp với tinh Thái Nguyên (sau sắp xếp).</p> <p>2. Thay thế cụm từ "quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch khác có liên quan đã được phê duyệt" thành "quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 hoặc chi tiêu sử dụng đất trong phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai của quy hoạch tỉnh hành chính cấp xã sau sắp xếp hoặc quy hoạch được lập theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn để thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho</p> |
|--------|--|--|---|--|

|        |   |   |  |   |
|--------|---|---|--|---|
| T<br>T | <p>Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành</p> <p>Nghị quyết 10/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên</p> | <p>Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định chi tiết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn</p> <p>nghèo là người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng.</p> <p>5. Cá nhân thiếu đất ở là trường hợp đã có đất ở nhưng diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu sau tách thửa đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.</p> <p>6. Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, có sự tham gia, giám sát của người dân trong quá trình hợp bình xét đối tượng và triển khai nội dung hỗ trợ, cá nhân được hỗ trợ phải sử dụng đất theo quy định của pháp luật.</p> | <p>Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế</p> <p>gia về dân cư do cơ quan có thẩm quyền xác nhận tại đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất được giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Không áp dụng đối với cá nhân đã được thực hiện chính sách về đất đai từ các chương trình, chính sách trước đây nhưng đến nay đã chuyển quyền sử dụng đất.</p> <p>4. Ưu tiên cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo là người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng.</p> <p>5. Cá nhân thiếu đất ở là trường hợp đã có đất ở nhưng diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu sau tách thửa đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.</p> <p>6. Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, có sự tham gia, giám sát của người dân trong quá trình hợp bình xét đối tượng và triển khai nội dung hỗ trợ, cá nhân được hỗ trợ phải sử dụng đất theo quy định của pháp luật</p> | <p>Thuyết minh</p> <p>phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai." lý do: phù hợp với khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 66.3/2025/NQ-CP của Chính phủ về tháo gỡ, xử lý vướng mắc để triển khai các dự án trong thời gian Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa được phê duyệt điều chỉnh</p> |
|--------|---|---|--|---|

|   |   |   |  |  |
|---|---|---|--|--|
| T | <p><b>Nghị quyết 10/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên</b></p> <p><b>Điều 3. Hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng</b><br/>Đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng được Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí đất sinh hoạt cộng đồng gắn với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo diện tích tối thiểu là 300 m<sup>2</sup>.</p> <p><b>Điều 4. Hỗ trợ đất ở</b><br/>1. Trường hợp hộ trợ đất ở cho cá nhân không có đất ở thì được giao đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và được miễn tiền sử dụng đất.<br/>2. Trường hợp cá nhân đã được giao đất ở theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng nay không còn đất ở hoặc thiếu đất ở so với hạn mức thì thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.</p> <p><b>Điều 5. Hỗ trợ đất nông nghiệp</b><br/>1. Trường hợp cá nhân không có đất nông nghiệp thì được hỗ trợ giao đất nông nghiệp trong hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh không thu tiền sử dụng đất.</p> | <p><b>Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành</b></p> <p><b>Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định chi tiết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn</b></p> <p><b>Điều 4. Chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh</b><br/>1. Cộng đồng dân cư nơi đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống chưa có đất sinh hoạt cộng đồng được Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí đất sinh hoạt cộng đồng gắn với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo diện tích tối thiểu là 300 m<sup>2</sup>.</p> <p>2. Chính sách đất đai lần đầu a) Trường hợp cá nhân không có đất ở thì được giao đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định và được miễn tiền sử dụng đất. Diện tích giao đất tùy thuộc vào điều kiện thực tế và quỹ đất của địa phương nhưng không quá hạn mức giao đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.<br/>b) Trường hợp cá nhân không có đất nông nghiệp thì được giao đất nông nghiệp theo quy định và không thu tiền sử dụng đất. Diện tích giao đất không vượt quá hạn mức giao đất do</p> | <p><b>Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế</b></p> <p><b>Điều 3. Hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng</b><br/>Đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng được Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí đất sinh hoạt cộng đồng gắn với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo diện tích tối thiểu là 300 m<sup>2</sup>.</p> <p><b>Điều 4. Hỗ trợ đất ở</b><br/>1. Trường hợp hộ trợ đất ở cho cá nhân không có đất ở thì được giao đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và được miễn tiền sử dụng đất.<br/>2. Trường hợp cá nhân đã được giao đất ở theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng nay không còn đất ở hoặc thiếu đất ở so với hạn mức thì thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.</p> <p><b>Điều 5. Hỗ trợ đất nông nghiệp</b><br/>1. Trường hợp cá nhân không có đất</p> | <p><b>Thuyết minh</b></p> <p>1. Trên cơ sở kế thừa và bổ sung nội dung quy định của tỉnh Thái Nguyên (trước sáp xếp) và tỉnh Bắc Kạn (trước sáp xếp), lý do: quy định Thái Nguyên phù hợp tỉnh Thái Nguyên (sau sáp xếp).<br/>2. Thay thế cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp huyện", thành "Ủy ban nhân dân cấp xã" lý do: thực hiện Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sáp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025.<br/>3. Bổ sung nội dung tại Điều 6 quy định: "1. Cá nhân được Nhà nước cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh và được miễn toàn bộ thời gian thuê đất đối với trường hợp sử dụng đất thuộc</p> |
| T | <p><b>Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định chi tiết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn</b></p> <p><b>Điều 3. Hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng</b><br/>Đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng được Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí đất sinh hoạt cộng đồng gắn với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo diện tích tối thiểu là 300 m<sup>2</sup>.</p> <p><b>Điều 4. Hỗ trợ đất ở</b><br/>1. Trường hợp hộ trợ đất ở cho cá nhân không có đất ở thì được giao đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và được miễn tiền sử dụng đất.<br/>2. Trường hợp cá nhân đã được giao đất ở theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng nay không còn đất ở hoặc thiếu đất ở so với hạn mức thì thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.</p> <p><b>Điều 5. Hỗ trợ đất nông nghiệp</b><br/>1. Trường hợp cá nhân không có đất nông nghiệp thì được hỗ trợ giao đất nông nghiệp trong hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh không thu tiền sử dụng đất.</p>          | <p><b>Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định chi tiết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn</b></p> <p><b>Điều 3. Hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng</b><br/>Đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng được Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí đất sinh hoạt cộng đồng gắn với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo diện tích tối thiểu là 300 m<sup>2</sup>.</p> <p><b>Điều 4. Hỗ trợ đất ở</b><br/>1. Trường hợp hộ trợ đất ở cho cá nhân không có đất ở thì được giao đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và được miễn tiền sử dụng đất.<br/>2. Trường hợp cá nhân đã được giao đất ở theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng nay không còn đất ở hoặc thiếu đất ở so với hạn mức thì thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.</p> <p><b>Điều 5. Hỗ trợ đất nông nghiệp</b><br/>1. Trường hợp cá nhân không có đất</p>   | <p><b>Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế</b></p> <p><b>Điều 3. Hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng</b><br/>Đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng được Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí đất sinh hoạt cộng đồng gắn với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo diện tích tối thiểu là 300 m<sup>2</sup>.</p> <p><b>Điều 4. Hỗ trợ đất ở</b><br/>1. Trường hợp hộ trợ đất ở cho cá nhân không có đất ở thì được giao đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và được miễn tiền sử dụng đất.<br/>2. Trường hợp cá nhân đã được giao đất ở theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng nay không còn đất ở hoặc thiếu đất ở so với hạn mức thì thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.</p> <p><b>Điều 5. Hỗ trợ đất nông nghiệp</b><br/>1. Trường hợp cá nhân không có đất</p> | <p><b>Thuyết minh</b></p> <p>1. Trên cơ sở kế thừa và bổ sung nội dung quy định của tỉnh Thái Nguyên (trước sáp xếp) và tỉnh Bắc Kạn (trước sáp xếp), lý do: quy định Thái Nguyên phù hợp tỉnh Thái Nguyên (sau sáp xếp).<br/>2. Thay thế cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp huyện", thành "Ủy ban nhân dân cấp xã" lý do: thực hiện Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sáp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025.<br/>3. Bổ sung nội dung tại Điều 6 quy định: "1. Cá nhân được Nhà nước cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh và được miễn toàn bộ thời gian thuê đất đối với trường hợp sử dụng đất thuộc</p> |

|        |  |  |   |  |
|--------|--|--|---|--|
| T<br>T | <p><b>Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành</b></p> <p><b>Nghị quyết 10/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên</b></p> <p>2. Trường hợp cá nhân đã được Nhà nước giao đất theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng nay không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% diện tích đất so với hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.</p> <p><b>Điều 6. Hỗ trợ thuế đất phi nông nghiệp không phải đất ở</b></p> <p>Cá nhân được Nhà nước cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh và được giảm 50% tiền thuế đất.</p> | <p><b>Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định chi tiết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn</b></p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản.</p> <p>c) Cá nhân được Nhà nước cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh và được miễn tiền thuế đất. Diện tích thuê đất cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định căn cứ vào tình hình thực tế và quỹ đất của địa phương.</p> <p>3. Chính sách đất đai để bảo đảm ổn định cuộc sống</p> <p>a) Trường hợp cá nhân đã được giao đất ở theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này nhưng nay không còn đất ở thì được giao đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở và được miễn tiền sử dụng đất, diện tích giao đất tùy thuộc vào điều kiện thực tế và quỹ đất hiện có của địa phương nhưng không quá hạn mức giao đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.</p> <p>Trường hợp thiếu đất ở thì được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở và được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn mức giao đất ở.</p> <p>b) Trường hợp cá nhân đã được giao đất nông nghiệp tại điểm b khoản 2</p> | <p><b>Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế</b></p> <p>nông nghiệp thì được hỗ trợ giao đất nông nghiệp trong hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh không thu tiền sử dụng đất.</p> <p>2. Trường hợp cá nhân đã được Nhà nước giao đất theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng nay không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% diện tích đất so với hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.</p> <p><b>Điều 6. Hỗ trợ thuế đất phi nông nghiệp không phải đất ở</b></p> <p>1. Cá nhân được Nhà nước cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh và được miễn toàn bộ thời gian thuê đất đối với trường hợp sử dụng đất thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</p> <p>2. Cá nhân được Nhà nước cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh và được giảm 50% tiền thuế đất đối với trường</p> | <p><b>Thuyết minh</b></p> <p><i>Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn</i>: Đồng thời, sửa đổi, bổ sung nội dung quy định Hỗ trợ thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở, lý do: quy định chi tiết để đảm bảo phù hợp với tinh Thái Nguyên (sau sắp xếp).</p> <p>4. Bãi bỏ quy định: "Hỗ trợ 100% kinh phí đo đạc, lập hồ sơ địa chính khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất." của tỉnh Bắc Kạn, lý do: Tại Điều 16 Luật Đất đai năm 2024 không thuộc trường hợp địa phương phải quy định</p> |
|--------|--|--|---|--|

|                           |   |  |                                 |
|---------------------------|---|--|---------------------------------|
|                           | <p><b>Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành</b></p> <p><b>Nghị quyết 10/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên</b></p> | <p><b>Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định chi tiết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn</b></p> <p>Điều này nhưng nay không còn đất nông nghiệp thì được tiếp tục giao đất nông nghiệp và không thu tiền sử dụng đất. Diện tích giao đất tùy thuộc vào điều kiện thực tế và quỹ đất hiện có của địa phương nhưng không quá hạn mức giao đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.</p> <p>4. Hỗ trợ 100% kinh phí đo đạc, lập hồ sơ địa chính khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.</p> | <p><b>T</b></p> <p><b>T</b></p> |
| <p><b>Thuyết minh</b></p> | <p><b>Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế</b></p> <p>hợp sử dụng đất không thuộc khoản 1 Điều này.</p>  |  |                                 |

|   |  |  |   |   |
|---|--|--|---|---|
|   | <p><b>Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành</b></p> <p><b>Nghị quyết 10/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên</b></p>  | <p><b>Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định chi tiết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn</b></p>  | <p><b>Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế</b></p>   | <p><b>Thuyết minh</b></p>   |
| T | <p><b>Điều 7. Nguồn kinh phí và quỹ đất hiện</b></p> <p>1. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách quy định này được thực hiện theo quy định khoản 3 Điều 8 Nghị định số 102/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.</p> <p>2. Quỹ đất để thực hiện chính sách này bao gồm quỹ đất nông nghiệp để sử dụng vào mục đích công ích; đất chưa sử dụng đang được quản lý; đất thu hồi; đất thuê tại địa phương và các quỹ đất hợp pháp khác do các địa phương đang quản lý.</p> | <p><b>Điều 5. Quỹ đất để thực hiện chính sách</b></p> <p>Quỹ đất để thực hiện chính sách theo Nghị quyết này là đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý, bao gồm: Đất chưa sử dụng đang được địa phương quản lý; đất thu hồi; đất chưa giao, chưa cho thuê tại địa phương và quỹ đất thu hồi theo quy định tại khoản 29 Điều 79 Luật Đất đai năm 2024.</p> <p><b>Điều 6. Nguồn kinh phí</b></p> <p>1. Ngân sách nhà nước bố trí theo phân cấp và nguồn vốn hợp pháp khác quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024 và khoản 3 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>2. Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm rà soát, tổng hợp lập dự toán, bố trí kinh phí để thực hiện chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn.</p> | <p><b>Điều 7. Nguồn kinh phí và quỹ đất thực hiện</b></p> <p>1. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách quy định tại nghị quyết này được thực hiện theo quy định khoản 3 Điều 8 Nghị định số 102/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.</p> <p>2. Quỹ đất để thực hiện chính sách theo Nghị quyết này bao gồm quỹ đất nông nghiệp để sử dụng vào mục đích công ích; đất chưa sử dụng đang được địa phương quản lý; đất thu hồi; đất chưa giao, chưa cho thuê tại địa phương và các quỹ đất hợp pháp khác do các địa phương đang quản lý.</p> | <p>Trên cơ sở kế thừa nội dung quy định của tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp) và tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp), lý do: quy định đảm bảo phù hợp tỉnh Thái Nguyên (sau sắp xếp), đồng thời nội dung này đã đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 102/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.</p> |
| T |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |
|   |  |  |   |   |

|        |   |   |   |  |  |  |
|--------|---|---|---|--|--|--|
| T<br>T | <p style="text-align: center;"><b>Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành</b></p> <p><b>Nghị quyết 10/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên</b></p> | <p><b>Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định chi tiết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn</b></p> | <p style="text-align: center;"><b>Điều 7. Tổ chức thực hiện</b></p> <p>1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.</p> <p>2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.</p> | <p style="text-align: center;"><b>Điều 8. Tổ chức thực hiện</b></p> <p>1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.</p> <p>2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.</p> | <p style="text-align: center;"><b>Điều 9. Điều khoản thi hành</b></p> <p>1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.</p> <p>2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:</p> <p>a) Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 06/9/2024 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;</p> <p>b) Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.</p> | <p style="text-align: center;"><b>Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế</b></p> <p style="text-align: center;"><b>Thuyết minh</b></p> <p>Trên cơ sở kế thừa và sửa đổi một số nội dung quy định của tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp) và tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp), lý do: đảm bảo phù hợp với tỉnh Thái Nguyên (sau sắp xếp).</p> |
| 5      |   |   |   |  |  |  |

|        |  |   |   |                           |
|--------|--|---|---|---------------------------|
| T<br>T | <p>Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành</p> <p><b>Nghị quyết 10/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên</b></p> | <p><b>Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định chi tiết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn</b></p> | <p><b>Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế</b></p>   | <p><b>Thuyết minh</b></p> |
|        |  |   | <p>Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.</p> <p>Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XV, Kỳ họp thứ mười ba (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày tháng năm 2026.</p> |                           |